MAO TRẠCH-ĐÔNG

TUYỂN TẬP

TẬP

I

XUẤT BẢN LẦN THỨ BA



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
HÀ-NỘI

BÀN VỀ THỰC TIỄN*

QUAN HỆ GIỮA NHẬN THỨC VÀ THỰC TIỄN — QUAN HỆ GIỮA BIẾT VÀ LÀM

(Tháng Bảy 1937)

Chủ nghĩa duy vật trước Mác tách rời tính chất xã hội của con người, tách rời sự phát triển lịch sử của loài người để xem xét vấn đề nhận thức, vì thế không thể hiểu được quan hệ phụ thuộc của nhận thức đối với thực tiễn xã hội, nghĩa là quan hệ phụ thuộc của nhận thức đối với sản xuất và đấu tranh giai cấp.

Trước hết, những người theo chủ nghĩa Mác cho rằng : hoạt động sản xuất của loài người là hoạt động thực tiễn cơ bản nhất, là cái quyết định tất cả mọi hoạt động khác. Nhận thức của người ta chủ yếu là dựa vào hoạt động sản xuất vật chất, mà dần dần hiểu rõ các hiện tượng của tự nhiên, tính chất của tự nhiên, tính quy luật của tự nhiên, quan hệ giữa con người với tự nhiên ; và trải qua hoạt động sản xuất

---

* Trong Đảng ta đã có một số đồng chí theo chủ nghĩa giáo điều cứ mãi vứt bỏ những kinh nghiệm của cách mạng Trung-quốc, họ phủ nhận cái chân lý : « Chủ nghĩa Mác không phải là giáo điều mà là kim chỉ nam cho hành động », họ chỉ ăn tươi nuốt sống từng câu từng chữ trong sách vở của chủ nghĩa Mác, dùng để dọa người ta. Lại có một số đồng chí khác thì cứ khư khư ôm lấy những kinh nghiệm vụn vặt của mình, không hiểu tính chất quan trọng của lý luận đối với thực tiễn cách mạng, không thấy được toàn cục của cách mạng, cho nên tuy cũng công tác gian khổ, nhưng chỉ làm một cách mù quáng. Tư tưởng sai lầm của hai loại đồng chí đó, đặc biệt là tư tưởng giáo điều đã từng làm cho cách mạng Trung-quốc

cũng dần dần nhận thức được quan hệ lẫn nhau nhất định giữa người với người ở những mức độ khác nhau. Tất cả mọi hiểu biết ấy, tách rời hoạt động sản xuất thì không thể có được. Trong xã hội không giai cấp, mỗi người lấy tư cách là một thành viên của xã hội, hợp sức với những thành viên khác trong xã hội, kết thành quan hệ sản xuất nhất định mà hoạt động sản xuất để giải quyết vấn đề đời sống vật chất của loài người. Trong các xã hội có giai cấp, những thành viên xã hội của các giai cấp cũng dùng những phương thức khác nhau, kết thành những quan hệ sản xuất nhất định mà hoạt động sản xuất để giải quyết vấn đề đời sống vật chất của loài người. Đó là nguồn gốc cơ bản sự phát triển nhận thức của người ta.

Thực tiễn xã hội của người ta không bó hẹp trong một hình thức là hoạt động sản xuất, mà còn có nhiều hình thức khác : đấu tranh giai cấp, sinh hoạt chính trị, hoạt động khoa học và nghệ thuật, nói tóm lại, tất cả mọi lĩnh vực đời sống thực tế của xã hội đều có con người xã hội tham gia. Vì vậy ngoài đời sống vật chất ra, nhận thức của người ta còn do đời sống chính trị và đời sống văn hóa (liên hệ chặt chẽ với đời sống vật chất) ở những mức độ khác nhau, mà biết được các loại quan hệ giữa người với người. Trong những hình thức hoạt động ấy thì nhất là đấu tranh giai cấp dưới mọi hình thức đã đem lại nhiều ảnh hưởng sâu sắc cho sự phát triển nhận

---

chịu những tổn thất rất lớn trong khoảng từ năm 1931 đến 1934, và những người giáo điều chủ nghĩa lại khoác áo mác-xít, làm mê hoặc rất nhiều đồng chí. Bài *Bàn về thực tiễn* của đồng chí Mao Trạch-đông chính là để dùng quan điểm về nhận thức luận mác-xít vạch rõ những sai lầm chủ quan của chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa kinh nghiệm trong Đảng — đặc biệt là chủ nghĩa giáo điều. Vì trọng điểm là vạch trần tính chất chủ quan của chủ nghĩa giáo điều coi thường thực tiễn, cho nên đề là : *Bàn về thực tiễn*. Đồng chí Mao Trạch-đông đã từng dùng những quan điểm trong bài này để giảng ở Trường đại học chính trị quân sự chống Nhật tại Diên-an.

thức của con người. Trong xã hội có giai cấp, mỗi người đều sinh hoạt trong một giai cấp nhất định, không có thứ tư tưởng nào không có con dấu của giai cấp in vào.

Người mác-xít cho rằng hoạt động sản xuất của xã hội loài người phát triển hết bước này đến bước khác, từ thấp lên cao, do đó, nhận thức của người ta, bất cứ đối với giới tự nhiên hay đối với xã hội, cũng đều phát triển hết bước này đến bước khác, từ thấp lên cao, nghĩa là từ nông đến sâu, từ một mặt đến nhiều mặt. Trong một thời kỳ lịch sử rất dài, người ta chỉ có thể hiểu biết lịch sử xã hội một cách phiến diện ; một mặt là do cách nhìn sai lệch của giai cấp bóc lột luôn luôn bóp méo lịch sử xã hội, mặt khác là do quy mô sản xuất nhỏ hẹp hạn chế tầm mắt của người ta. Chỉ đến khi giai cấp vô sản cận đại ra đời cùng với một lực lượng sản xuất to lớn — nền đại công nghiệp — thì người ta mới có thể có sự hiểu biết lịch sử và toàn diện về sự phát triển của lịch sử xã hội, biến những nhận thức về xã hội thành khoa học, tức là khoa học của chủ nghĩa Mác.

Người mác-xít cho rằng chỉ có thực tiễn xã hội của người ta mới là tiêu chuẩn chân lý của những nhận thức của người ta về thế giới bên ngoài. Tình hình thực tế là : chỉ khi nào trong quá trình thực tiễn xã hội (trong quá trình sản xuất vật chất, đấu tranh giai cấp, thực nghiệm khoa học), người ta đạt được kết quả như đã định trước trong tư tưởng, thì nhận thức của người ta mới được chứng thực. Người ta muốn thắng lợi trong công tác, nghĩa là muốn đi tới kết quả đã định, thì nhất định phải làm cho tư tưởng của mình phù hợp với tính quy luật của thế giới khách quan bên ngoài, nếu không thì sẽ thất bại trong thực tiễn. Sau khi người ta trải qua thất bại, thì cũng có thể do thất bại mà rút ra được những bài học, sửa chữa tư tưởng của mình cho thích hợp với tính quy luật của thế giới bên ngoài, người ta có thể biến thất bại thành thắng lợi ; nói rằng : « thất bại là mẹ thành công », « ngã một keo, khôn lên một tí » chính là ý nghĩa đó. Nhận

thức luận duy vật biện chứng nâng thực tiễn lên hàng đầu, cho rằng nhận thức của người ta dù một ly cũng không thể tách rời thực tiễn ; nó bác bỏ mọi lý luận sai lầm phủ nhận tính chất quan trọng của thực tiễn, làm cho nhận thức tách rời thực tiễn. Lê-nin đã nói : « Thực tiễn cao hơn nhận thức (lý luận), vì không những nó có tính chất phổ biến, mà còn có tính chất hiện thực trực tiếp nữa »[1]. Chủ nghĩa duy vật biện chứng — triết học của chủ nghĩa Mác — có hai đặc điểm rất rõ rệt : một đặc điểm là tính chất giai cấp của nó, công nhiên nói rõ chủ nghĩa duy vật biện chứng phục vụ cho giai cấp vô sản ; một đặc điểm nữa là tính chất thực tiễn của nó, nhấn mạnh quan hệ phụ thuộc của lý luận đối với thực tiễn, lý luận lấy thực tiễn làm nền tảng, lại quay về phục vụ thực tiễn. Muốn phán đoán xem nhận thức hoặc lý luận có đúng chân lý hay không, không phải cứ dựa theo chủ quan mình cảm thấy thế nào, mà phải dựa theo kết quả của thực tiễn xã hội khách quan ra sao. Tiêu chuẩn của chân lý chỉ có thể là thực tiễn xã hội. Quan điểm thực tiễn là quan điểm thứ nhất và cơ bản của nhận thức luận duy vật biện chứng[2].

Nhưng nhận thức của người ta rốt cuộc nảy ra từ thực tiễn và lại phục vụ thực tiễn như thế nào ? Điều đó chúng ta hãy xem quá trình phát triển của nhận thức thì rõ.

Trong quá trình thực tiễn, ban đầu người ta chỉ thấy mặt hiện tượng của các sự vật trong quá trình, nhìn thấy từng mặt riêng lẻ của sự vật, nhìn thấy mối liên hệ bề ngoài giữa các sự vật. Ví dụ có một số người ngoài đến Diên-an để quan sát, một hai ngày đầu, họ nhìn thấy địa hình, đường phố, nhà cửa của Diên-an, tiếp xúc với nhiều người, dự tiệc, dạ hội và những cuộc mít tinh quần chúng, nghe các câu chuyện, xem các văn kiện ; những cái đó là hiện tượng của sự vật, từng mặt riêng lẻ của sự vật và mối liên hệ bề ngoài của các sự vật ấy. Đó gọi là giai đoạn cảm tính của nhận thức, tức là giai đoạn cảm giác và ấn tượng. Đó cũng là giai đoạn các sự vật khác nhau của Diên-an đã tác động vào giác quan của

các vị trong đoàn quan sát, gây cảm giác cho họ, ghi nhiều ấn tượng trong óc họ và làm nảy ra sự liên hệ bề ngoài, đại khái giữa các ấn tượng ấy ; đó là giai đoạn thứ nhất của nhận thức. Trong giai đoạn này người ta chưa có thể tạo nên những khái niệm sâu sắc, đưa ra những kết luận hợp với luận lý (tức là hợp với lô-gích).

Sự tiếp tục của thực tiễn xã hội làm cho người ta lắp lại nhiều lần những cái gây nên cảm giác và ấn tượng trong thực tiễn, do đó mà trong óc người ta nảy ra một sự đột biến (tức là nhảy vọt) trong quá trình nhận thức, sinh ra khái niệm. Khái niệm không còn là những hiện tượng của sự vật, không còn là từng mặt riêng lẻ của sự vật, không còn là những mối liên hệ bề ngoài của sự vật nữa, mà là đã nắm được bản chất của sự vật, toàn thể của sự vật, mối liên hệ bên trong của sự vật. Khái niệm với cảm giác không những khác nhau về số lượng, mà còn khác nhau về tính chất. Tiếp tục tiến lên như vậy, dùng phương pháp phán đoán và suy lý thì có thể đưa ra những kết luận hợp với luận lý. Trong truyện *Tam quốc* có câu : « Chau mày một cái, mưu kế nảy ra ngay » ; thông thường chúng ta vẫn nói « cho tôi suy nghĩ một tí đã », đó là lúc người ta vận dụng khái niệm trong đầu óc để phán đoán và suy lý. Đây là giai đoạn thứ hai của nhận thức. Các vị trong đoàn quan sát sau khi thu góp các tài liệu và « suy nghĩ một tí » rồi, thì họ đã có thể phán đoán rằng « chính sách mặt trận thống nhất dân tộc chống Nhật của Đảng Cộng sản là triệt để, thành khẩn và chân thực ». Sau khi phán đoán như vậy, nếu họ cũng chân thực đoàn kết cứu nước thì họ có thể tiến một bước nữa đi tới kết luận như sau : « Mặt trận thống nhất dân tộc chống Nhật có thể thành công được ». Giai đoạn khái niệm, phán đoán và suy lý ấy là giai đoạn trọng yếu hơn trong toàn bộ quá trình nhận thức của người ta đối với một sự vật, cũng chính là giai đoạn nhận thức lý tính. Nhiệm vụ thật sự của nhận thức là trải qua cảm giác mà đạt tới tư duy, đạt tới chỗ dần dần hiểu rõ mâu thuẫn bên trong của sự vật khách

quan, hiểu rõ tính quy luật của chúng, hiểu rõ mối liên hệ bên trong giữa quá trình này với quá trình khác, nghĩa là đạt tới chỗ nhận thức luận lý. Ở đây xin nhắc lại rằng sở dĩ nhận thức luận lý khác với nhận thức cảm tính, chính là vì nhận thức cảm tính là thuộc về từng mặt riêng lẻ, thuộc về hiện tượng, về mối liên hệ bề ngoài của sự vật, còn nhận thức luận lý thì đã tiến lên một bước cao, đạt tới cái toàn thể, cái bản chất, tới mối liên hệ bên trong của sự vật, tới chỗ phát hiện ra mâu thuẫn bên trong của thế giới chung quanh, do đó mà có thể nắm được sự phát triển của thế giới chung quanh, về mặt toàn thể của thế giới chung quanh, về mối liên hệ mọi mặt bên trong của thế giới chung quanh.

Lý luận duy vật biện chứng về quá trình phát triển của nhận thức đặt nền tảng trên thực tiễn, từ nông đến sâu ; trước chủ nghĩa Mác, chưa có người nào giải quyết được như vậy. Chủ nghĩa duy vật mác-xít lần đầu tiên đã giải quyết đúng đắn vấn đề ấy, đã chỉ rõ một cách duy vật và biện chứng sự vận động của nhận thức theo chiều hướng ngày càng sâu, chỉ rõ sự vận động nhận thức của con người xã hội trong thực tiễn phức tạp luôn luôn lắp đi lắp lại của sản xuất và đấu tranh giai cấp : sự vận động từ nhận thức cảm tính chuyển lên nhận thức luận lý. Lê-nin đã nói : « Những sự trừu tượng về vật chất, về quy luật tự nhiên, sự trừu tượng về giá trị, v.v., tóm lại, tất cả những sự trừu tượng khoa học (đúng đắn, nghiêm túc, không tùy tiện) phản ánh giới tự nhiên sâu sắc hơn, trung thành hơn, đầy đủ hơn »[3]. Chủ nghĩa Mác — Lê-nin cho rằng : đặc tính của hai giai đoạn trong quá trình nhận thức là : ở giai đoạn thấp, nhận thức biểu hiện bằng cảm tính ; ở giai đoạn cao, nhận thức biểu hiện bằng luận lý, nhưng bất cứ giai đoạn nào cũng đều là giai đoạn trong quá trình thống nhất của nhận thức. Tính chất của cảm tính và lý tính có khác nhau, nhưng chúng lại không tách rời nhau, mà thống nhất với nhau trên cơ sở thực tiễn. Thực tiễn của chúng ta chứng minh rằng : cái mà chúng ta

cảm giác, chúng ta không thể hiểu rõ nó ngay tức khắc, chỉ có cái mà chúng ta đã hiểu rõ rồi thì chúng ta mới cảm giác nó sâu sắc hơn. Cảm giác chỉ giải quyết vấn đề hiện tượng, lý luận mới giải quyết vấn đề bản chất. Sự giải quyết các vấn đề ấy, dù một ly cũng không thể tách rời thực tiễn. Bất cứ người nào muốn nhận thức sự vật gì, nếu không tiếp xúc với sự vật ấy, nghĩa là không sống (thực tiễn) trong hoàn cảnh của sự vật ấy, thì không có cách gì giải quyết được. Trong xã hội phong kiến không thể nhận thức trước được quy luật của xã hội tư bản chủ nghĩa, bởi vì chưa có chủ nghĩa tư bản ra đời, chưa có thứ thực tiễn ấy. Chủ nghĩa Mác chỉ có thể là sản phẩm của xã hội tư bản chủ nghĩa. Mác không thể ở trong thời đại của chủ nghĩa tư bản tự do mà đã nhận thức trước một cách cụ thể một số quy luật đặc biệt nào đó của thời đại đế quốc chủ nghĩa ; bởi vì chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản chưa đến thì chưa có thực tiễn ấy, chỉ có Lê-nin và Sta-lin mới đảm đương được nhiệm vụ ấy. Sở dĩ Mác, Ăng-ghen, Lê-nin, Sta-lin có thể xây dựng được lý luận của mình, ngoài điều kiện thiên tài của mình ra, chủ yếu là do Mác, Ăng-ghen, Lê-nin, Sta-lin đã tự mình tham gia thực tiễn đấu tranh giai cấp và thực nghiệm khoa học đương thời ; không có điều kiện này thì bất cứ thiên tài nào cũng không thể thành công được. « Tú tài* không ra khỏi cửa mà vẫn biết hết mọi việc trong thiên hạ », câu ấy ở thời xưa kỹ thuật chưa phát triển, chỉ là một câu nói suông ; ở thời đại kỹ thuật phát triển hiện nay, tuy rằng câu nói ấy có thể thực hiện được, nhưng những người thật sự tự mình biết rõ chính là những người có thực tiễn trong thiên hạ, những người ấy rút ra cái « biết » trong thực tiễn của họ, rồi nhờ chữ viết, nhờ kỹ thuật mà truyền bá cái biết ấy đến « tú tài » ; do đó tú tài mới có thể gián tiếp « biết

* « Tú tài » cũng gọi là « tú sĩ », chỉ những người có học thức và tài hoa. *(N.D.)*

mọi việc trong thiên hạ » được. Nếu muốn trực tiếp nhận thức sự vật này hay sự vật khác thì chỉ có cách tự mình tham gia đấu tranh thực tiễn biến đổi hiện thực, biến đổi sự vật này hay sự vật khác, mới có thể đụng đến hiện tượng của sự vật này hay sự vật khác, và cũng chỉ có cách tự mình tham gia đấu tranh thực tiễn biến đổi hiện thực, thì mới có thể phát hiện được bản chất của sự vật này hay sự vật khác mà hiểu rõ nó. Đó là con đường nhận thức mà trong thực tế bất cứ người nào cũng phải đi theo ; chẳng qua chỉ có một số người nào đó cố ý xuyên tạc và chống lại điều đó mà thôi. Trên đời, đáng buồn cười nhất là có những tay tự cho mình là « thông thạo »[4], hiểu biết nửa vời, nói năng không có căn cứ, mà lại tự cho mình là « nhất trong thiên hạ », như thế chỉ tỏ ra là không biết lượng sức mình mà thôi. Vấn đề tri thức là một vấn đề khoa học, không được có chút gì giả dối và kiêu ngạo ; điều cần thiết có tính chất quyết định chính là mặt trái ngược lại, là thái độ thành thật và khiêm tốn. Anh muốn có tri thức, anh phải tham gia thực tiễn biến đổi hiện thực. Anh muốn biết mùi lê, anh phải biến đổi quả lê, tự mình ăn một miếng. Anh muốn biết kết cấu và tính chất của nguyên tử, thì anh phải thực hành những thí nghiệm vật lý học và hóa học, biến đổi trạng thái của nguyên tử. Anh muốn biết lý luận và phương pháp của cách mạng, thì anh phải tham gia cách mạng. Tất cả mọi sự hiểu biết chân chính đều bắt nguồn từ kinh nghiệm trực tiếp. Nhưng người ta không thể có kinh nghiệm trực tiếp về mọi việc ; thật ra số lớn tri thức đều là kinh nghiệm gián tiếp, đó là tất cả những tri thức từ thời xưa và từ nơi khác đem lại. Các tri thức đó đối với người xưa và người khác là kinh nghiệm trực tiếp, nếu khi nào những kinh nghiệm trực tiếp của người xưa và người khác phù hợp với điều kiện mà Lê-nin đã nêu ra : « trừu tượng khoa học », là sự vật khách quan được phản ánh một cách khoa học, thì những tri thức ấy là có thể tin cậy được, bằng không thì không tin cậy được. Cho nên tri thức của

một người không ra ngoài hai phần kinh nghiệm trực tiếp và kinh nghiệm gián tiếp. Hơn nữa cái mà ở ta là kinh nghiệm gián tiếp thì ở người khác vẫn là kinh nghiệm trực tiếp. Do đó, gộp chung toàn bộ tri thức lại mà nói, thì bất cứ tri thức nào cũng không tách khỏi kinh nghiệm trực tiếp. Nguồn gốc của bất cứ một tri thức nào cũng ở cảm giác của những giác quan xác thịt của người ta đối với thế giới khách quan bên ngoài ; phủ nhận cảm giác ấy, phủ nhận kinh nghiệm trực tiếp, phủ nhận việc tự mình tham gia thực tiễn biến đổi hiện thực, thì không phải là người theo chủ nghĩa duy vật. Những tay tự cho mình là « thông thạo » sở dĩ đáng buồn cười, nguyên do chính là ở chỗ đó. Người Trung-quốc có một câu tục ngữ : « Không vào hang hổ, thì sao bắt được hổ con ». Đối với thực tiễn của người ta thì câu ấy là chân lý, đối với nhận thức luận, nó cũng là chân lý. Nhận thức mà tách rời thực tiễn là không thể được.

Để làm sáng tỏ sự vận động biện chứng duy vật của nhận thức — sự vận động theo chiều hướng dần dần đi sâu của nhận thức — phát sinh trên cơ sở thực tiễn biến đổi hiện thực, xin nêu thêm mấy ví dụ cụ thể.

Nhận thức của giai cấp vô sản đối với xã hội tư bản chủ nghĩa, trong buổi đầu thực tiễn của họ — tức là thời kỳ phá hoại máy móc và đấu tranh tự phát, họ chỉ mới ở giai đoạn nhận thức cảm tính, chỉ là nhận thức từng mặt riêng lẻ các hiện tượng của chủ nghĩa tư bản và mối liên hệ bề ngoài các hiện tượng ấy. Khi đó, giai cấp vô sản còn gọi là « giai cấp tự nó ». Nhưng đến thời kỳ thứ hai của thực tiễn của họ — tức là thời kỳ đấu tranh kinh tế và đấu tranh chính trị có ý thức, có tổ chức, thì nhờ có thực tiễn, nhờ có kinh nghiệm đấu tranh lâu dài, thông qua Mác — Ăng-ghen dùng phương pháp khoa học tổng kết các kinh nghiệm ấy lại, xây dựng lý luận chủ nghĩa Mác, dùng lý luận đó giáo dục giai cấp vô sản, làm cho giai cấp vô sản hiểu rõ bản chất của xã hội tư

bản chủ nghĩa, hiểu rõ quan hệ bóc lột giữa các giai cấp xã hội, hiểu rõ nhiệm vụ lịch sử của giai cấp vô sản, bấy giờ giai cấp vô sản mới trở nên « giai cấp vì nó ».

Nhận thức của nhân dân Trung-quốc đối với chủ nghĩa đế quốc cũng thế. Giai đoạn thứ nhất là giai đoạn nhận thức về bề ngoài bằng cảm tính, biểu hiện trong cuộc đấu tranh bài ngoại một cách không phân biệt của phong trào Thái-bình-thiên-quốc và phong trào Nghĩa hòa đoàn, v.v. Giai đoạn thứ hai mới tiến sang giai đoạn nhận thức lý tính, nhìn ra các loại mâu thuẫn bên trong và bên ngoài của chủ nghĩa đế quốc, lại nhìn ra thực chất của việc chủ nghĩa đế quốc liên hợp với giai cấp mại bản và giai cấp phong kiến Trung-quốc đề áp bức bóc lột đông đảo nhân dân Trung-quốc. Nhận thức này đến khoảng phong trào ngày 4 tháng 5 năm 1919 mới bắt đầu.

Chúng ta lại lấy chiến tranh mà xét. Những người lãnh đạo chiến tranh, nếu họ là một số người không có kinh nghiệm chiến tranh, thì trong giai đoạn đầu, họ không hiểu được những quy luật chỉ đạo sâu sắc của một cuộc chiến tranh cụ thể (chẳng hạn như chiến tranh cách mạng ruộng đất của chúng ta mười năm trước đây). Trong giai đoạn đầu, họ chỉ là tự mình trải qua nhiều kinh nghiệm tác chiến, và bị thua thì rất nhiều. Song do những kinh nghiệm đó (kinh nghiệm thắng trận, đặc biệt là kinh nghiệm thua trận), làm cho họ có thể hiểu những cái bên trong, thấu suốt toàn bộ cuộc chiến tranh, tức là tính quy luật của cuộc chiến tranh cụ thể ấy, họ đã hiểu được chiến lược và chiến thuật, do đó mà có thể nắm vững đề chỉ đạo chiến tranh. Khi đó, nếu đem một người không có kinh nghiệm vào chỉ đạo thay, thì lại không khỏi thua một vài trận rồi (sau khi đã có kinh nghiệm) mới hiểu được những quy luật chính xác của chiến tranh.

Thường thường ta thấy có một số đồng chí, khi họ không dám mạnh dạn nhận nhiệm vụ công tác, họ hay nói : không nắm được. Tại sao không nắm được ? Vì họ chưa hiểu rõ

tính quy luật về nội dung và hoàn cảnh của loại công tác ấy ; hoặc xưa nay họ chưa tiếp xúc hoặc ít tiếp xúc với loại công tác ấy, cho nên không biết dựa vào đâu mà nói đến tính quy luật của loại công tác ấy. Đến khi đã phân tích được tỉ mỉ tình hình và hoàn cảnh của công tác rồi, họ cảm thấy tương đối đã nắm được, và vui lòng làm công tác ấy. Nếu người đó đã trải qua một thời kỳ trong công tác ấy, đã có kinh nghiệm về loại công tác ấy, và họ lại là một người chịu thành thực xem xét kỹ tình hình, chứ không phải là một người chỉ nhìn vấn đề một cách chủ quan, phiến diện và bề ngoài, thì họ có thể tự mình đưa ra kết luận nên làm công tác như thế nào, và lòng hăng hái công tác của người đó cũng tăng lên rất nhiều. Chỉ có những người nhìn vấn đề một cách chủ quan, phiến diện và bề ngoài, đến một nơi nào không hỏi tình hình của hoàn cảnh, không xem toàn thể công việc (lịch sử và toàn bộ hiện trạng của công việc), cũng không tiếp xúc tới bản chất của công việc (tính chất của công việc và mối liên hệ bên trong giữa công việc này với công việc khác) mà đã ỷ mình là tài giỏi, trỏ tay truyền lệnh, những người như vậy không sao tránh khỏi va vấp.

Do đó ta thấy, trong quá trình nhận thức, bước thứ nhất là bắt đầu tiếp xúc với sự việc bên ngoài, thuộc về giai đoạn cảm giác. Bước thứ hai là tổng hợp các tài liệu cảm giác lại mà chỉnh lý và cải tạo, thuộc về giai đoạn khái niệm, phán đoán và suy lý. Chỉ có tài liệu cảm giác hết sức phong phú (không vụn vặt thiếu sót) và hợp với thực tế (không phải cảm giác sai lầm), thì mới có thể căn cứ vào tài liệu ấy mà tạo ra khái niệm và lý luận chính xác được.

Ở đây, có hai điểm quan trọng cần nhấn mạnh. Điểm thứ nhất, trên kia đã nói rồi, bây giờ nhắc lại một lần nữa, tức là vấn đề nhận thức lý tính phải dựa vào nhận thức cảm tính. Nếu người nào cho rằng nhận thức lý tính có thể không do nhận thức cảm tính mà cũng có thể có được, thì người đó là một người duy tâm. Trong lịch sử triết học có một phái

gọi là « chủ nghĩa duy lý », chỉ thừa nhận tính chất thực tại của lý tính, không thừa nhận tính chất thực tại của kinh nghiệm, cho rằng chỉ có lý tính là đáng tin cậy, còn kinh nghiệm do cảm giác mà có thì không đáng tin cậy ; sai lầm của phái ấy là ở chỗ họ đã đảo lộn sự thật. Những cái thuộc về lý tính sở dĩ tin cậy được, chính là vì nó bắt nguồn ở cảm tính ; nếu không thì những cái thuộc về lý tính sẽ trở nên nước không nguồn, cây không gốc, và chỉ là những cái do chủ quan đẻ ra, không đáng tin cậy. Theo trình tự của quá trình nhận thức mà xét, thì kinh nghiệm cảm giác là cái có trước ; chúng ta nhấn mạnh ý nghĩa của thực tiễn xã hội trong quá trình nhận thức, chính là ở chỗ chỉ có thực tiễn xã hội mới có thể làm cho nhận thức của người ta bắt đầu phát sinh, bắt đầu thu được những kinh nghiệm cảm giác từ thế giới khách quan bên ngoài. Một người nhắm mắt bịt tai, căn bản đoạn tuyệt với thế giới khách quan bên ngoài, thì chẳng có gì gọi là nhận thức. Nhận thức bắt đầu từ kinh nghiệm, — đó là chủ nghĩa duy vật của nhận thức luận.

Điểm thứ hai là nhận thức phải đi tới sâu sắc thêm, giai đoạn cảm tính của nhận thức phải phát triển đến giai đoạn lý tính — đó là phép biện chứng của nhận thức luận[5]. Nếu cho rằng nhận thức có thể dừng lại ở giai đoạn thấp là giai đoạn cảm tính, cho rằng chỉ có nhận thức cảm tính mới đáng tin cậy, còn nhận thức lý tính là không đáng tin cậy, thì mắc lại sai lầm của « chủ nghĩa kinh nghiệm » trong lịch sử. Sai lầm của lý luận này là ở chỗ không hiểu rằng những tài liệu của cảm giác cố nhiên phản ánh một số tính chân thật nào đó của thế giới khách quan bên ngoài (ở đây tôi không nói thứ chủ nghĩa kinh nghiệm duy tâm cho kinh nghiệm chỉ là cái thể nghiệm bên trong), nhưng nó chỉ là những cái phiến diện và bề ngoài, sự phản ánh ấy không hoàn toàn, không phản ánh bản chất của sự vật. Muốn phản ánh một cách đầy đủ toàn bộ sự vật, phản ánh bản chất của sự vật, phản ánh tính quy luật bên trong của sự vật, thì phải trải

qua tác dụng của suy nghĩ, tốn công phu cải tạo chế biến những tài liệu phong phú của cảm giác, bỏ cái thô lấy cái tinh, bỏ cái giả lấy cái thật, từ cái này đến cái kia, từ ngoài vào trong, tạo nên hệ thống khái niệm và lý luận, nghĩa là phải từ nhận thức cảm tính tiến vọt sang nhận thức lý tính. Loại nhận thức đã được cải tạo đó không phải là một thứ nhận thức trống rỗng hơn, không đáng tin cậy hơn, mà trái lại, miễn là trong quá trình nhận thức nó đã được cải tạo một cách khoa học dựa trên cơ sở thực tiễn, thì đúng như Lê-nin đã nói, nó mới là những cái phản ánh sự vật khách quan một cách sâu sắc hơn, chính xác hơn, hoàn toàn hơn. Các nhà sự vụ chủ nghĩa tầm thường thì không như vậy ; họ tôn trọng kinh nghiệm mà coi thường lý luận, vì thế không thể nhìn thấu suốt toàn thể quá trình khách quan, thiếu phương châm rõ ràng đúng đắn, không có tiền đồ rộng lớn, hí hửng với một chút thành công và một kiến thức nhỏ hẹp. Những người ấy nếu chỉ đạo cách mạng thì sẽ đưa cách mạng tới chỗ bế tắc.

Nhận thức lý tính dựa vào nhận thức cảm tính, nhận thức cảm tính phải phát triển đến nhận thức lý tính, đó là nhận thức luận duy vật biện chứng. « Chủ nghĩa duy lý » và « chủ nghĩa kinh nghiệm » về triết học đều không hiểu tính chất lịch sử và tính chất biện chứng của nhận thức ; tuy rằng mỗi bên đều có mang một mặt nào của chân lý (đây là nói chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa kinh nghiệm duy vật, chứ không phải nói chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa kinh nghiệm duy tâm), nhưng xét về toàn thể của nhận thức luận thì cả hai đều sai lầm. Sự vận động duy vật biện chứng của nhận thức từ cảm tính đến lý tính đối với một quá trình nhận thức nhỏ (như nhận thức một sự vật hay một công tác) là như vậy, mà đối với một quá trình nhận thức lớn (như nhận thức một xã hội hay một cuộc cách mạng) cũng là như vậy.

Nhưng sự vận động của nhận thức đến đây chưa phải là chấm dứt. Sự vận động duy vật biện chứng của nhận thức, nếu chỉ đến nhận thức lý tính rồi dừng lại thì mới nói được

một nửa vấn đề. Và đứng về triết học của chủ nghĩa Mác mà xét, thì chỉ mới nói được cái nửa vấn đề không phải hết sức quan trọng. Triết học của chủ nghĩa Mác cho rằng vấn đề hết sức quan trọng không phải ở chỗ hiểu được tính quy luật của thế giới khách quan, do đó có thể giải thích được thế giới, mà ở chỗ đem những nhận thức về tính quy luật khách quan đó mà cải tạo thế giới một cách năng động. Xét theo chủ nghĩa Mác, lý luận là quan trọng ; tính chất quan trọng của nó biểu hiện đầy đủ trong câu nói của Lê-nin : « Không có lý luận cách mạng thì không có phong trào cách mạng »[6]. Nhưng chủ nghĩa Mác coi trọng lý luận, chính là vì mà cũng chỉ là vì lý luận có thể chỉ đạo hành động. Nếu có lý luận đúng rồi mà chỉ đem nó ra nói suông một hồi, rồi gác lại để đó, không hề thực hành, thì thứ lý luận ấy có tốt đẹp bao nhiêu cũng chẳng có ý nghĩa gì cả. Nhận thức bắt đầu từ thực tiễn, trải qua thực tiễn mà có nhận thức lý luận, rồi lại phải trở về thực tiễn. Tác dụng năng động của nhận thức không những chỉ biểu hiện sự nhảy vọt một cách năng động từ nhận thức cảm tính đến nhận thức lý tính, mà quan trọng hơn nữa là phải biểu hiện ở sự nhảy vọt từ nhận thức lý tính đến thực tiễn cách mạng. Đã nắm được nhận thức về tính quy luật của thế giới thì lại phải đem nó trở vào thực tiễn cải tạo thế giới, lại phải dùng vào thực tiễn sản xuất, vào thực tiễn cách mạng của đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc, cho đến thực tiễn thực nghiệm khoa học. Đó là quá trình kiểm nghiệm lý luận và phát triển lý luận, là sự liên tục của toàn bộ quá trình nhận thức. Vấn đề lý luận có phù hợp với chân lý khách quan hay không, không phải là đã được giải quyết hoàn toàn mà cũng không thể giải quyết hoàn toàn trong sự vận động của nhận thức từ cảm tính sang lý tính nói trên. Muốn giải quyết hoàn toàn vấn đề này thì chỉ có cách đem nhận thức lý tính trở vào thực tiễn xã hội, áp dụng lý luận vào thực tiễn, xem nó có thể đạt được mục đích đã nhằm trước hay không. Có nhiều lý luận về khoa học tự nhiên sở dĩ

được gọi là chân lý, không những đúng ở lúc các nhà khoa học tự nhiên phát minh ra học thuyết ấy, mà còn đúng ở chỗ những lý luận ấy đã được thực tiễn khoa học về sau chứng thực. Chủ nghĩa Mác — Lê-nin sở dĩ được gọi là chân lý, không những ở chỗ Mác, Ăng-ghen, Lê-nin, Sta-lin xây dựng học thuyết ấy một cách khoa học, mà còn ở chỗ chủ nghĩa ấy được thực tiễn đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc về sau chứng thực. Chủ nghĩa duy vật biện chứng sở dĩ thành chân lý phổ biến là vì bất cứ thực tiễn của người nào cũng không lọt ra ngoài phạm vi của nó. Lịch sử nhận thức của loài người đã chỉ cho chúng ta biết rằng, tính chân lý của nhiều lý luận là không được hoàn toàn, và nhờ trải qua sự kiểm nghiệm của thực tiễn mà đã uốn nắn được những chỗ không hoàn toàn của nó. Nhiều thứ lý luận sai lầm, đã nhờ trải qua sự kiểm nghiệm của thực tiễn mà uốn nắn được sai lầm. Sở dĩ nói rằng thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý, nói rằng « quan điểm về đời sống, về thực tiễn, phải là quan điểm thứ nhất và cơ bản của lý luận về nhận thức »[7], lý do chính là ở chỗ đó. Sta-lin đã nói rất đúng rằng : «Lý luận sẽ là lý luận trống rỗng, nếu không gắn liền với thực tiễn cách mạng ; cũng hệt như thực tiễn sẽ trở thành mù quáng nếu không được lý luận cách mạng soi đường »[8].

Đến đây, sự vận động của nhận thức đã hoàn thành chưa ? Chúng ta trả lời : hoàn thành rồi mà cũng chưa hoàn thành. Con người xã hội lăn mình vào thực tiễn biến đổi một quá trình khách quan nào đó trong một giai đoạn phát triển nào đó (bất cứ đó là thực tiễn biến đổi một quá trình tự nhiên nào đó hay là thực tiễn biến đổi một quá trình xã hội nào đó), do sự phản ánh của quá trình khách quan và tác dụng của tính năng động chủ quan mà làm cho nhận thức của người ta chuyển từ cảm tính lên lý tính, tạo nên những tư tưởng, lý luận, kế hoạch hoặc phương án về đại thể tương ứng với tính quy luật của quá trình khách quan đó, rồi sau đó lại áp dụng những tư tưởng, lý luận, kế hoạch hoặc phương án ấy vào thực tiễn

của cùng quá trình khách quan ấy, nếu có thể thực hiện được mục đích đã nhằm trước, nghĩa là biến những tư tưởng, lý luận, kế hoạch, phương án định trước thành sự thật, hay về đại thể biến thành sự thật, thì sự vận động của nhận thức đối với quá trình cụ thể ấy được coi là đã hoàn thành. Ví như, trong quá trình biến đổi tự nhiên đã thực hiện được kế hoạch của một công trình nào đó, chứng minh được một giả thiết khoa học nào đó, chế ra được một công cụ nào đó, thu hoạch được một nông sản nào đó, hay trong quá trình biến đổi xã hội đã giành được thắng lợi trong một cuộc bãi công nào đó, thắng lợi trong một cuộc chiến tranh nào đó, thực hiện được một kế hoạch giáo dục nào đó, thì như thế đều xem là thực hiện được mục đích đã nhằm trước. Nhưng nói chung thì dù trong thực tiễn biến đổi tự nhiên hay trong thực tiễn biến đổi xã hội, những tư tưởng, lý luận, kế hoạch, phương án do người ta định ra lúc đầu được thực hiện mà không thay đổi mảy may gì là chuyện rất hiếm. Bởi vì những người bắt tay vào biến đổi hiện thực, thường bị rất nhiều sự hạn chế, không những thường bị sự hạn chế của điều kiện khoa học và điều kiện kỹ thuật, mà còn bị những hạn chế do sự phát triển và trình độ biểu hiện của quá trình khách quan (các mặt và bản chất của quá trình khách quan chưa bộc lộ đầy đủ). Trong tình hình ấy, do từ thực tiễn mà phát hiện ra những tình hình trước kia chưa tính đến, cho nên thường phải có sự thay đổi từng phần của những tư tưởng, lý luận, kế hoạch, phương án, cũng có khi phải thay đổi toàn bộ. Như thế nghĩa là trong những tư tưởng, lý luận, kế hoạch, phương án ban đầu định ra, có bộ phận hay toàn bộ không hợp với thực tế, có một phần sai hay toàn bộ đều sai, cả hai trường hợp ấy đều có. Nhiều khi phải hỏng đi hỏng lại nhiều lần mới sửa chữa được nhận thức sai lầm, mới đi tới phù hợp với tính quy luật của quá trình khách quan, nhờ đó mới có thể biến được cái chủ quan thành cái khách quan, nghĩa là trong thực tiễn, đạt được kết quả đã nhằm trước. Nhưng dù thế nào, đến lúc ấy, sự vận động của

nhận thức của người ta đối với một quá trình khách quan nào đó trong một giai đoạn phát triển nào đó, mới coi là đã hoàn thành.

Nhưng lấy sự tiến triển của quá trình mà nói, thì sự vận động của nhận thức của người ta chưa phải là đã hoàn thành. Bất cứ quá trình nào, dù thuộc về giới tự nhiên hay thuộc về xã hội cũng đều tiến lên và phát triển lên do mâu thuẫn và đấu tranh bên trong ; sự vận động của nhận thức của người ta cũng phải tiến lên và phát triển theo. Lấy sự vận động xã hội mà nói, thì người chỉ đạo cách mạng chân chính không những trong khi những tư tưởng, lý luận, kế hoạch, phương án của mình có sai lầm thì phải biết sửa chữa như đã nói ở trên, mà trong khi một quá trình khách quan nào đó đã từ một giai đoạn phát triển này chuyển biến lên một giai đoạn phát triển khác thì cũng phải biết làm cho mình và tất cả những người tham gia cách mạng về mặt nhận thức chủ quan cũng đều chuyển biến theo, nghĩa là phải làm cho nhiệm vụ mới của cách mạng và phương án mới của công tác đề ra được thích hợp với sự biến đổi của tình hình mới. Sự biến đổi của tình hình các thời kỳ cách mạng rất nhanh, nếu nhận thức của những người trong đảng cách mạng không biết chuyển biến nhanh theo nó thì không thể đưa cách mạng đi đến thắng lợi.

Song việc tư tưởng lạc hậu so với thực tế là điều thường có, đó là vì nhận thức của người ta bị nhiều sự hạn chế của điều kiện xã hội. Chúng ta chống phái bảo thủ trong hàng ngũ cách mạng, tư tưởng của họ không biết tùy theo tình hình khách quan đã chuyển biến mà tiến lên, và trong lịch sử đã biểu hiện thành chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh. Những người ấy không thấy rằng sự đấu tranh của mâu thuẫn đã đẩy quá trình khách quan tiến lên, mà nhận thức của họ thì vẫn dừng lại ở giai đoạn cũ. Tư tưởng của tất cả những người bảo thủ đều mang đặc trưng ấy. Tư tưởng của họ tách rời thực tiễn của xã hội ; họ không thể đứng trước bánh xe xã hội mà đảm

đương công việc dẫn đường chỉ lối, họ chỉ biết đi theo sau xe, oán trách xe đi nhanh quá, mưu đồ kéo lùi xe lại, quay ngược xe lại.

Chúng ta cũng chống chủ nghĩa nói suông phái « tả ». Tư tưởng của họ vượt qua giai đoạn phát triển nhất định của quá trình khách quan ; có một số người coi ảo tưởng là chân lý, một số người thì đem những lý tưởng mà chỉ đến tương lai mới có thể trở thành hiện thực được, gò ép để làm trong hiện tại, tách rời thực tiễn trước mắt của đại đa số người, tách rời cái hiện thực trước mắt ; tư tưởng của họ biểu hiện thành chủ nghĩa mạo hiểm trong hành động.

Chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật máy móc, chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa mạo hiểm đều có đặc điểm là tách rời chủ quan với khách quan, tách rời nhận thức với thực tiễn. Nhận thức lý luận của chủ nghĩa Mác—Lê-nin lấy thực tiễn xã hội khoa học làm đặc điểm, không thể không kiên quyết phản đối những tư tưởng sai lầm đó. Người mác-xít thừa nhận rằng trong quá trình phát triển toàn bộ và tuyệt đối của vũ trụ thì sự phát triển của các quá trình cụ thể đều là tương đối, do đó mà trên dòng sông dài của chân lý tuyệt đối, nhận thức của người ta đối với quá trình cụ thể trong mỗi giai đoạn phát triển nhất định, chỉ có tính chân lý tương đối mà thôi. Vô số chân lý tương đối gộp lại thành ra chân lý tuyệt đối[9]. Sự phát triển của quá trình khách quan là sự phát triển chứa đầy mâu thuẫn và đấu tranh ; sự phát triển của sự vận động nhận thức của người ta cũng là một sự phát triển chứa đầy mâu thuẫn và đấu tranh. Mọi sự vận động biện chứng của thế giới khách quan đều có thể hoặc trước hoặc sau phản ánh vào nhận thức của người ta. Quá trình phát sinh, phát triển và tiêu diệt trong thực tiễn xã hội là vô cùng, quá trình phát sinh, phát triển và tiêu diệt của nhận thức của người ta cũng là vô cùng. Căn cứ vào những tư tưởng, lý luận, kế hoạch, phương án nhất định mà tham gia thực tiễn biến đổi hiện thực khách quan, cứ tiến lên hết đợt này đến đợt khác, sự nhận

thức của người ta đối với hiện thực khách quan cũng hết đợt này đến đợt khác càng đi sâu thêm. Sự vận động biến đổi của thế giới hiện thực khách quan mãi mãi không bao giờ kết thúc ; sự nhận thức về chân lý của người ta trong thực tiễn cũng mãi mãi không bao giờ kết thúc. Chủ nghĩa Mác—Lê-nin không hề kết thúc chân lý, mà trong thực tiễn, nó không ngừng mở đường cho việc nhận thức chân lý. Kết luận của chúng ta là sự thống nhất có tính chất lịch sử và cụ thể giữa chủ quan và khách quan, giữa lý luận và thực tiễn, giữa biết và làm, chống lại tất cả những tư tưởng sai lầm « tả » hoặc hữu tách rời lịch sử cụ thể.

Xã hội phát triển đến thời đại hiện nay, lịch sử đã đặt trách nhiệm nhận thức đúng thế giới và cải tạo thế giới lên vai giai cấp vô sản và chính đảng của giai cấp vô sản. Quá trình thực tiễn cải tạo thế giới căn cứ vào nhận thức khoa học mà định ra, trên thế giới và ở Trung-quốc đều đã đi tới một thời gian lịch sử — một thời gian trọng đại chưa từng có trên lịch sử, tức là lật bỏ toàn bộ bộ mặt đen tối của thế giới và của Trung-quốc, biến đổi thế giới và Trung-quốc thành một thế giới rạng rỡ từ trước đến nay chưa từng có. Cuộc đấu tranh cải tạo thế giới của giai cấp vô sản và của nhân dân cách mạng bao gồm sự thực hiện những nhiệm vụ dưới đây : cải tạo thế giới khách quan, và cũng cải tạo thế giới chủ quan của mình — cảo tạo năng lực nhận thức của mình, cải tạo quan hệ giữa thế giới chủ quan và thế giới khách quan. Trên quả đất này đã có một bộ phận thực hành sự cải tạo ấy, đó là Liên-xô. Hiện nay Liên-xô đang xúc tiến quá trình cải tạo ấy. Nhân dân Trung-quốc và nhân dân thế giới đều đang hoặc sắp sửa đi vào quá trình cải tạo ấy. Trong cái gọi là thế giới khách quan bị cải tạo cũng bao gồm cả những người chống lại sự cải tạo : sự cải tạo những con người ấy phải qua giai đoạn cưỡng bức rồi mới đi vào giai đoạn tự giác. Khi thế giới đã đến lúc toàn nhân loại đều tự giác cải tạo mình và cải tạo thế giới, thì đó là thời đại thế giới cộng sản chủ nghĩa.